

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 60

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Nhựa Tân Phú thuộc Công ty Nhựa Việt Nam theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN ngày 24 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần - số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 15 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 14 tháng 12 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tan Phu Plastic Joint Stock Company.
Tên Công ty viết tắt là : TAPLAST.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 03 tháng 9 năm 2015, Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ.

Trụ sở chính: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 65.995.510.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm mười nghìn đồng.)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303640880 được sửa đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 12 năm 2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng;
- Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa;
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm máy móc thiết bị ngành công – nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); đại lý ký gửi; mua bán hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT		19/08/2016
Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch HĐQT	19/08/2016	
Ông Ngô Đức Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	19/08/2016	
Ông Vũ Đình Độ	Thành viên	17/03/2016	
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	17/03/2016	
Ông Lê Viết Hùng	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Ly	Thành viên		17/03/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Viết Hùng	Tổng Giám đốc		
Ông Ngô Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Hồ Công Thiện	Phó Tổng Giám đốc		19/08/2016
Bà Nguyễn Thị Ly	Phó Tổng Giám đốc		19/08/2016
Ông Phạm Thành Thái Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc	01/09/2016	04/10/2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Kiên	Trưởng ban	17/03/2016	
Ông Trần Kim Dũng	Thành viên	17/03/2016	
Bà Võ Thị Minh Ý	Thành viên	17/03/2016	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Viết Hùng	Tổng Giám Đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Số: 024/2017/BCKT-PB.00040

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 60, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng này tại ngày 09/03/2016.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2016-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
– CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Lê Viết Cường", written over a horizontal line.

LÊ VIẾT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2016-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		201.324.351.552	190.489.315.508
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.174.128.340	19.290.093.642
Tiền	111		13.174.128.340	18.753.879.357
Các khoản tương đương tiền	112		-	536.214.285
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	167.200.000	3.350.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		399.000.000	1.050.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(231.800.000)	(200.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.995.888.855	88.478.002.134
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	64.513.567.054	68.820.255.821
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.847.861.637	15.107.257.378
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	8.610.000.000	260.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	10.730.976.908	4.455.197.870
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(5.706.516.744)	(164.708.935)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.8	76.516.309.081	64.360.410.519
Hàng tồn kho	141		76.551.327.078	64.419.739.315
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(35.017.997)	(59.328.796)
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.470.825.276	15.010.809.213
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	2.110.197.531	890.119.331
Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.408.607.864	13.885.592.497
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		952.019.881	235.097.385
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		175.534.226.510	111.592.162.268
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.396.104.053	6.952.797.928
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	8.396.104.053	6.952.797.928
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		104.561.866.649	74.834.509.186
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	36.875.258.313	31.707.723.281
Nguyên giá	222		156.359.915.452	132.383.944.672
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(119.484.657.139)	(100.676.221.391)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	61.910.688.094	37.185.080.687
Nguyên giá	225		98.077.522.560	61.647.699.400
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(36.166.834.466)	(24.462.618.713)
Tài sản cố định vô hình	227	5.12	5.775.920.242	5.941.705.218
Nguyên giá	228		7.290.345.218	7.353.345.218
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.514.424.976)	(1.411.640.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	61.657.756.331	22.978.684.354
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		61.657.756.331	22.978.684.354
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	-	6.806.170.800
Đầu tư vào công ty con	251		-	1.011.920.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.200.072.890	8.700.072.890
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.200.072.890)	(2.905.822.090)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		918.499.477	20.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	918.499.477	20.000.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		376.858.578.062	302.081.477.776

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		274.048.462.465	212.713.271.983
Nợ ngắn hạn	310		189.939.345.940	155.560.008.727
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	15.649.148.874	23.561.734.755
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	1.325.373.091	595.930.321
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.356.470.210	3.495.771.482
Phải trả người lao động	314		10.160.318.868	18.193.490.829
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	2.896.864.788	2.750.070.953
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	1.633.302.572	863.791.214
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	156.348.567.044	105.492.619.060
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		569.300.493	606.600.113
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		84.109.116.525	57.153.263.256
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	1.860.801.735	1.830.801.735
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	82.248.314.790	54.420.383.109
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.20	-	902.078.412
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.810.115.597	89.368.205.793
Vốn chủ sở hữu	410	5.21	102.810.115.597	89.368.205.793
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		65.995.510.000	59.997.840.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		65.951.510.000	59.953.840.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		44.000.000	44.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.039.728.228	2.039.728.228
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.153.195.174	7.153.195.174
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.619.362.595	1.619.362.595
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.002.319.600	18.558.079.796
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.388.946.901	2.118.624.536
LNST chưa phân phối năm nay	421b		19.613.372.699	16.439.455.260
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		376.858.578.062	302.081.477.776



NGUYỄN NGỌC NHUNG
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THOẠI
Kế toán trưởng



LÊ VIẾT HÙNG
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	500.068.947.121	578.719.701.007
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.819.760.975	2.293.326.426
Doanh thu thuần	10		498.249.186.146	576.426.374.581
Giá vốn hàng bán	11	6.3	397.456.949.722	472.373.357.728
Lợi nhuận gộp	20		100.792.236.424	104.053.016.853
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.961.461.174	1.066.188.279
Chi phí tài chính	22	6.5	17.335.704.586	15.105.517.843
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		13.698.000.002	13.053.080.194
Chi phí bán hàng	25	6.6	18.393.357.334	24.137.725.899
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	45.420.182.138	46.889.486.425
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		21.604.453.540	18.986.474.965
Thu nhập khác	31	6.8	619.388.259	1.043.000.741
Chi phí khác	32	6.9	118.035.381	39.092.798
Lợi nhuận khác	40		501.352.878	1.003.907.943
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.105.806.418	19.990.382.908
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	2.492.433.719	3.550.927.648
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.613.372.699	16.439.455.260

 

NGUYỄN NGỌC NHUNG
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THOẠI
Kế toán trưởng



LÊ VIẾT HÙNG
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	22.105.806.418	19.990.382.908
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	31.439.931.944	27.941.693.052
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	7.941.469.398	2.770.296.131
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(98.158.241)	(161.307.076)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(858.842.292)	(1.045.106.228)
Chi phí lãi vay	06	13.698.000.002	13.053.080.194
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	74.228.207.229	62.549.038.981
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(10.968.258.262)	(13.300.624.065)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(12.131.587.763)	154.875.685
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(18.705.436.214)	14.304.912.905
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.118.577.677)	2.440.060.833
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	651.000.000	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.144.354.746)	(12.485.401.440)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.442.841.891)	(4.278.946.739)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.241.276.000)	(2.635.540.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.126.874.676	46.748.376.160
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(44.752.119.871)	(21.348.508.178)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	23.999.343.627	276.915.352
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.850.000.000)	(2.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	5.000.000.000	1.240.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.262.001.794)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.511.920.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	463.869.682	624.439.656
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.626.986.562)	(23.969.154.964)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	7.200.580.000
Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	
Tiền thu từ đi vay	33	366.145.836.536	370.271.419.251
Tiền trả nợ gốc vay	34	(331.797.313.426)	(369.905.346.996)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(24.345.624.367)	(18.960.711.418)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.716.910.400)	(6.950.235.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.285.988.343	(18.344.294.563)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	50	(6.214.123.543)	4.434.926.633
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	98.158.241	126.903.497
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	13.174.128.340	19.290.093.642

NGUYỄN NGỌC NHUNG
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THOẠI
Kế toán trưởng



LÊ VIẾT HÙNG

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Nhựa Tân Phú thuộc Công ty Nhựa Việt Nam theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN ngày 24 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần - số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 15 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 14 tháng 12 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tan Phu Plastic Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là : TAPLAST.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 03 tháng 9 năm 2015, Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ.

Trụ sở chính: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 65.995.510.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm mười nghìn đồng.)

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa các loại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303640880 được sửa đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 12 năm 2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng;
- Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa;
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm máy móc thiết bị ngành công – nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); đại lý ký gửi; mua bán hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm, căn cứ nghị quyết của HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú, Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Tân Phú – Sài Gòn và Công ty CP Nhựa Tân Phú – Miền Trung với giá bán bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1.6 Cấu trúc của Công ty**Các chi nhánh:**

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty CP Nhựa Tân Phú	Số 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp.HCM	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Long An	CCN Nhựa Đức Hoà Hạ (lô C16) Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hoà Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh	Cụm CN Xuân Lâm - Xã Xuân Lâm - Huyện Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Hà Nội (*)	Tầng 9 Toà nhà CDS, 477 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Lao Bảo (*)	Số 270 QL 19 – TT Lao Bảo – Huyện Hướng hóa – Tỉnh Quảng Trị	Hạch toán phụ thuộc

(*) Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện giải thể Chi nhánh tại Hà Nội và Chi nhánh tại Lao Bảo

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú Miền Trung	Lô 13, Đường số 2, Cụm CN Hưng Lộc, Tp Vinh, Nghệ An.	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	65%	65%	65%

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Nhựa Tân Phú Miền Trung.

Các Công ty liên doanh liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào.	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	43,42%	43,42%	43,42%
Công ty CP Tân Phú – Sài Gòn	Số 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp.HCM	Kinh doanh sản phẩm nhựa	23,96%	23,96%	23,96%

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Tân Phú Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá hạch toán được quy định căn cứ trên tỷ giá của Ngân hàng thực hiện giao dịch thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá bình quân mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ là 22.719 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ là 22.799 VND/USD.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Không có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (48 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Long An được miễn thuế 2 năm (năm 2012, 2013) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (năm 2014 đến năm 2017), nhưng Chi nhánh chỉ được hưởng ưu đãi nêu trên cho thời gian ưu đãi còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015 theo Công văn số 2579/CT_TTHT ngày 21/12/2015 của Cục thuế tỉnh Long An về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	939.445.000	743.958.300
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.234.683.340	18.009.921.057
Các khoản tương đương tiền	-	536.214.285
	<u>13.174.128.340</u>	<u>19.290.093.642</u>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	146.988,64	3.336.784.668
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - EUR		-
		<u>3.336.784.668</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu	399.000.000	167.200.000	(231.800.000)	1.050.000.000	850.000.000	(200.000.000)
Công ty CP Nhựa Việt Nam	399.000.000	167.200.000	(231.800.000)	1.050.000.000	850.000.000	(200.000.000)
	399.000.000	167.200.000	(231.800.000)	1.050.000.000	850.000.000	(200.000.000)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh

Trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty có thực hiện bán bớt 62.000 cổ phiếu của Công ty CP Nhựa Việt Nam. Giá trị thu về chưa trừ phí giao dịch là 526.400.000 đồng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày đầu năm	(200.000.000)	(200.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(31.800.000)	
Hoàn nhập dự phòng do bán bớt		
Tại ngày cuối năm	(231.800.000)	(200.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản đầu tư khác	-	-		
	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	1.011.920.000	(22.426.299)	989.493.701
Công ty CP Nhựa Tân Phú Miền Trung <1>	-	-	-	1.011.920.000	(22.426.299)	989.493.701
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	8.700.072.890	(2.883.395.791)	5.816.677.099
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	6.200.072.890	(2.883.395.791)	3.316.677.099
Công ty CP Tân Phú - Sài Gòn <2>	-	-	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000
	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	9.711.992.890	(2.905.822.090)	6.806.170.800

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Nhựa Tân Phú Miền Trung	-	-	-	130.000	65,00%	65,00%
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào		43,42%	43,42%		43,42%	43,42%
Công ty CP Tân Phú - Sài Gòn	-	-	-	287.500	23,96%	23,96%

<1> Trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty CP Nhựa Tân Phú đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Nhựa Tân Phú Miền Trung với giá bán bằng mệnh giá 10.000 đồng/cp. Cá nhân mua lại phần vốn của Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Công ty CP Nhựa Tân Phú Miền Trung đã chuyển khoản thanh toán trong tháng 6/2016. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn, Công ty CP Nhựa Tân Phú cam kết tiếp tục hỗ trợ Công ty CP Nhựa Tân Phú – Miền Trung trong việc đào tạo nguồn nhân lực, công nghệ sản xuất, nguồn cung cấp vật tư và tiếp tục được phép sử dụng thương hiệu Nhựa Tân Phú thêm 05 năm kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Công ty CP Nhựa Tân Phú cam kết không xây dựng nhà máy mới, hoặc góp vốn bằng mọi loại hình thức để mở thêm nhà máy sản xuất các sản phẩm tương tự của Công ty CP Nhựa Tân Phú – Miền Trung đang sản xuất trong 05 năm tới tại khu vực Bắc miền Trung tính từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

<2> Căn cứ nghị quyết số 38/NQ-HĐQT-NTP của Hội đồng quản trị Công ty, Công ty CP Nhựa Tân Phú đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Tân Phú Sài Gòn với giá bán bằng mệnh giá 10.000 đồng/cp. Các cá nhân mua lại phần vốn của Công ty tại Công ty CP Tân Phú Sài Gòn đã thanh toán toàn bộ trong tháng 5 và tháng 6/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình hoạt động của các công ty con

Trình bày tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ.

Trong 06 tháng đầu năm 2016, Công ty CP Nhựa Tân Phú Miền Trung kinh doanh có lợi nhuận sau thuế là 319.696.232 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động. Toàn bộ tài sản của Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào đang bị Ngân hàng phong tỏa để thu hồi khoản vay chưa thanh toán. Do các cổ đông không thực hiện góp vốn, tái cơ cấu, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào không còn khả năng thanh toán các khoản nợ vay đến hạn trả. Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú đánh giá Công ty Việt Lào không còn khả năng hoạt động liên tục trong tương lai nên đã trích lập dự phòng 100% giá trị đầu tư tại Công ty Việt Lào.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	(2.905.822.090)	(982.000.273)
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.316.677.099)	(1.923.821.817)
Hoàn nhập dự phòng do bán bớt	22.426.299	
Tại ngày cuối năm	(6.200.072.890)	(2.905.822.090)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú Miền Trung		
<i>Bán nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa</i>	1.929.324.160	2.812.142.319
<i>Mua thành phẩm, hàng hóa</i>		
<i>Bán máy móc thiết bị</i>		335.000.000
Công ty Cổ phần Tân Phú Sài Gòn		
<i>Bán thành phẩm và vật tư</i>	7.592.700.991	15.057.997.531
<i>Mua nguyên vật liệu, hàng hóa</i>	8.903.646.393	
<i>Nhận cổ tức bằng tiền mặt</i>	201.250.000	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào		
<i>Bán hàng hóa, nguyên vật liệu</i>		7.811.374.705
<i>Mua nguyên vật liệu, hàng hóa</i>	2.895.163.967	
<i>Cho vay</i>	350.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.3 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khách hàng**5.3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CP Nhựa Tân Phú Miền Trung		1.068.200.000
Công ty CP Tân Phú Sài Gòn	54.192.690	668.190.769
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	2.236.317.729	3.813.677.324
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	7.324.791.505	2.533.368.896
Công ty TNHH ARYSTA LIFESCIENCE Việt Nam	4.412.605.931	5.472.245.345
Công ty TNHH Lavie	6.003.615.326	
Công ty TNHH Á Mỹ Gia	4.477.836.981	3.297.325.245
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	3.682.527.960	3.243.251.385
Công ty CP Đồ uống cao cấp Thái Lan	1.606.000.000	789.053.632
Các khách hàng khác	34.715.678.932	47.934.943.225
	64.513.567.054	68.820.255.821

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn**5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty XNK Nhựa Việt - Lào	858.746.635	1.237.170.475
Công ty CP Nhựa Tân Phú - Sài Gòn		266.030.191
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Chunghsin Industry Group Co., Ltd		1.342.944.721
Atelier Francois SA		2.940.894.540
Mahatanee Industrial Co.,Ltd		1.487.800.710
Terramar GMBH		1.672.666.162
Công ty CP Đầu Tư và Xây lắp H36	34.075.910	1.580.210.372
Công ty TNHH MTV SXTM Dịch vụ Nhựa Thịnh Nguyên	871.530.000	
Các nhà cung cấp khác	5.083.509.092	4.579.540.207
	6.847.861.637	15.107.257.378

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn**5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào <1>	610.000.000	260.000.000
Công ty CP Nhựa Đồng Nai <2>	8.000.000.000	
	8.610.000.000	260.000.000

<1> Khoản cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào vay gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 36/2014/HĐVV ngày 02/10/2014 và phụ lục hợp đồng số 01/2014/PL-HĐVV ngày 01/11/2014 với lãi suất vay 12%/năm trong 06 tháng kể từ ngày 02/10/2014. Tại thời điểm 30/06/2016, số dư khoản cho vay này là 260.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV ngày 01/05/2016 với lãi suất vay 8%/năm trong 06 tháng. Tại thời điểm 30/06/2016, số dư khoản cho vay này là 350.000.000 đồng.

<2> Khoản cho Công ty CP Nhựa Đồng Nai vay theo hợp đồng số 001/VV/NDN-NTP ngày 23/06/2016 với lãi suất vay 6%/năm trong 1 năm kể từ ngày 23/06/2016.

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Giá trị VND	Số cuối năm Dự phòng VND	Giá trị VND	Số đầu năm Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào - Lãi cho vay vốn	152.404.445	(152.404.445)	131.973.334	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào - Tạm ứng góp vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)	1.237.500.000	
Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Phải thu lãi cho vay vốn	376.555.556			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tiền lãi cho vay			8.855.673	
Tạm ứng	1.543.214.772		507.101.914	
Ký cược, ký quỹ	6.085.750.825		2.258.432.341	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	935.551.310		311.334.608	
	10.730.976.908	(1.789.904.445)	4.455.197.870	-

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng thanh toán của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu nhựa Việt Lào, Công ty CP Nhựa Tân Phú trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản tạm ứng vốn và lãi cho vay vốn với tỷ lệ trích lập là 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Thuế GTGT tài sản cố định thuê tài chính	2.849.532.879		2.567.278.996	
Ký cược, ký quỹ	5.066.073.284		3.305.021.042	
Các khoản phải thu dài hạn khác	480.497.890		1.080.497.890	
	8.396.104.053	-	6.952.797.928	-

5.7 Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào				
Phải thu tiền bán hàng	2.236.317.729	-	-	-
Phải thu tiền cho vay vốn	610.000.000	-	-	-
Phải thu tiền lãi vay	152.404.445	-	-	-
Phải thu tạm ứng góp vốn	1.637.500.000	-	-	-
Trả trước người bán	858.746.635	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Đăng Dũng				
Trả trước người bán	27.500.000	-	-	-
Công ty TNHH Nhựa PET Quốc tế				
Phải thu tiền bán hàng	59.330.000	41.531.000	-	-
Chi nhánh Công ty CP Hăng sơn Đông Á				
Phải thu tiền bán hàng	1.540.000	-	-	-
Xí nghiệp Mộc Thống Nhất				
Phải thu tiền bán hàng	80.472.650	-	80.472.650	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại xây dựng Nhật Nam				
Phải thu tiền bán hàng	18.094.210	-	18.094.210	-
Công ty Anco Food				
Phải thu tiền bán hàng	66.142.075	-	66.142.075	-
	5.748.047.744	41.531.000	164.708.935	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	(164.708.935)		(164.708.935)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.541.807.809)		(5.541.807.809)
Tại ngày 31/12/2016	(5.706.516.744)	-	(5.706.516.744)

5.8 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.242.829.450		11.145.564.680	
Nguyên liệu, vật liệu	54.184.653.536	(35.017.997)	32.343.272.521	(35.017.997)
Công cụ, dụng cụ	5.352.882.385		1.701.148.140	
Thành phẩm	12.921.202.958		13.657.384.229	(24.310.799)
Hàng hóa	2.849.758.749		5.572.369.745	
	76.551.327.078	(35.017.997)	64.419.739.315	(59.328.796)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.017.997	35.017.997
Thành phẩm		24.310.799
	35.017.997	59.328.796

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày 01/01/2016	59.328.796	77.517.992
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng	(24.310.799)	(18.189.196)
Tại ngày 31/12/2016	35.017.997	59.328.796

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ dụng cụ	1.299.457.972	
Khoản ứng trước các hợp đồng thuê tài chính		890.119.331
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	810.739.559	
	<u>2.110.197.531</u>	<u>890.119.331</u>

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ dụng cụ	908.499.477	
Chi phí bảo hiểm	10.000.000	20.000.000
	<u>918.499.477</u>	<u>20.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày đầu năm	44.126.709.437	79.821.328.775	8.002.901.345	433.005.115	132.383.944.672
Mua trong năm		40.795.317.177			40.795.317.177
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.453.420.000				1.453.420.000
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		5.558.799.970	902.000.000		6.460.799.970
Giảm do thanh lý		(23.972.070.900)	(761.495.467)		(24.733.566.367)
Tại ngày cuối năm	<u>45.580.129.437</u>	<u>102.203.375.022</u>	<u>8.143.405.878</u>	<u>433.005.115</u>	<u>156.359.915.452</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày đầu năm	22.871.526.761	70.652.635.666	6.885.341.191	266.717.773	100.676.221.391
Khấu hao trong năm	5.680.787.004	7.401.412.266	624.933.902	89.178.432	13.796.311.604
Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính		5.059.536.265	714.083.346		5.773.619.611
Giảm do thanh lý			(761.495.467)		(761.495.467)
Tại ngày cuối năm	<u>28.552.313.765</u>	<u>83.113.584.197</u>	<u>7.462.862.972</u>	<u>355.896.205</u>	<u>119.484.657.139</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	<u>21.255.182.676</u>	<u>9.168.693.109</u>	<u>1.117.560.154</u>	<u>166.287.342</u>	<u>31.707.723.281</u>
Tại ngày cuối năm	<u>17.027.815.672</u>	<u>19.089.790.825</u>	<u>680.542.906</u>	<u>77.108.910</u>	<u>36.875.258.313</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 80.654.317.263 đồng.
 Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được thế chấp bảo đảm cho các khoản vay: 30.787.280.759 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày đầu năm		58.599.152.127	3.048.547.273		61.647.699.400
Thuê tài chính trong năm		39.770.975.494	3.119.647.636		42.890.623.130
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(5.558.799.970)	(902.000.000)		(6.460.799.970)
Tại ngày cuối năm	-	92.811.327.651	5.266.194.909	-	98.077.522.560
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày đầu năm		23.510.121.545	952.497.168		24.462.618.713
Khấu hao trong năm		16.769.858.016	707.977.348		17.477.835.364
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(5.059.536.265)	(714.083.346)		(5.773.619.611)
Tại ngày cuối năm	-	35.220.443.296	946.391.170	-	36.166.834.466
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	35.089.030.582	2.096.050.105	-	37.185.080.687
Tại ngày cuối năm	-	57.590.884.355	4.319.803.739	-	61.910.688.094

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày đầu năm	7.011.345.218	342.000.000	7.353.345.218
Mua trong năm			
Thanh lý, nhượng bán		(63.000.000)	(63.000.000)
Tại ngày cuối năm	<u>7.011.345.218</u>	<u>279.000.000</u>	<u>7.290.345.218</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày đầu năm	1.088.890.001	322.749.999	1.411.640.000
Khấu hao trong năm	146.534.975	19.250.001	165.784.976
Thanh lý, nhượng bán		(63.000.000)	(63.000.000)
Tại ngày cuối năm	<u>1.235.424.976</u>	<u>279.000.000</u>	<u>1.514.424.976</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	<u>5.922.455.217</u>	<u>19.250.001</u>	<u>5.941.705.218</u>
Tại ngày cuối năm	<u>5.775.920.242</u>	<u>-</u>	<u>5.775.920.242</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 279.000.000 đồng

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình thế chấp cho các khoản vay 5.775.920.242 đồng

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định		35.264.936.727	1.910.556.727	-	33.354.380.000
Xe ô tô Camry 2.5Q		1.378.763.636	1.378.763.636		-
Xe ô tô tải thùng kín FUSO		531.793.091	531.793.091		-
Máy móc, thiết bị sản xuất nhựa thuê tài chính chưa nghiệm thu		33.354.380.000			33.354.380.000
Xây dựng cơ bản dở dang	22.978.684.354	5.339.331.977	-	14.640.000	28.303.376.331
Dự án nhà xưởng tại Chi nhánh Bắc Ninh	22.964.044.354	4.429.103.327			27.393.147.681
Chi phí thẩm tra thiết kế nhà kho Long An	14.640.000			14.640.000	-
Sửa chữa tại Nhà máy Long An		910.228.650			910.228.650
	<u>22.978.684.354</u>	<u>40.604.268.704</u>	<u>1.910.556.727</u>	<u>14.640.000</u>	<u>61.657.756.331</u>

Giá trị hạng mục đầu tư XD/CB được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay 60.747.527.681 đồng
Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào trong năm là 1.166.864.810 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**5.14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	1.819.984.452	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Vinmar International Co., Ltd	2.889.431.265	
Chevron Phillips Singapore Chemicals (private) Limited		4.936.998.900
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Hồ Chí Minh		5.108.533.902
SMC Coporation Limited (Thailand)	2.642.404.100	
Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam	1.437.993.921	
Công ty TNHH Khải Tiến	575.306.875	
Các nhà cung cấp khác	6.284.028.261	13.516.201.953
	15.649.148.874	23.561.734.755

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản nợ phải trả người bán tại thời điểm 31/12/2016. Công ty không có các khoản nợ phải trả người bán đã quá hạn chưa thanh toán.

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn, dài hạn**5.15.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh Tp.HCM		206.318.475
Trương Thị Tường Trinh	156.900.000	138.200.000
Mai Thị Tường Vi	288.000.000	
Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare	131.244.960	
Công ty TNHH Vico	327.937.500	
Các khách hàng khác	421.290.631	251.411.846
	1.325.373.091	595.930.321

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.505.364.330	-	12.903.255.789	14.092.094.405	1.316.525.714	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	29.343.472.571	29.343.472.571	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	163.270.823	1.123.146.441	959.875.618	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp <1>	890.927.648	-	1.660.093.034	3.442.841.891	-	891.821.209
Thuế thu nhập cá nhân <2>	99.479.504	17.264.666	1.077.764.294	1.125.671.412	39.944.496	5.636.776
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	547.586.689	1.088.073.017	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	54.561.896	7.000.000	7.000.000	-	54.561.896
Cộng	3.495.771.482	235.097.385	46.670.318.818	50.067.028.914	1.356.470.210	952.019.881

<1> Thuế TNDN trong kỳ phát sinh phải nộp chênh lệch giảm so với chi phí thuế TNDN hiện hành 832.340.685 đồng do Công ty điều chỉnh lại khoản thuế phải nộp năm 2015 theo công văn số 3512/CT-TTHT ngày 20/04/2016 của Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh hướng dẫn về việc xác định và kê khai thuế đối với khoản thuế TNDN được ưu đãi đối với phần lợi nhuận của Chi nhánh Long An. Khoản chênh lệch giảm được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước.

<2> Thuế TNCN kê khai và quyết toán riêng tại từng Chi nhánh của Công ty nên vừa có số dư Phải trả vừa có số dư Phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn**5.17.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí hoa hồng môi giới	1.685.913.522	1.033.370.143
Chi phí lãi vay phải trả	577.847.966	1.024.202.710
Chi phí dịch vụ		100.000.000
Chi phí bảo hiểm		592.498.100
Chi phí thuê máy nhựa	633.103.300	
	2.896.864.788	2.750.070.953

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Thù lao HĐQT và BKS	56.772.194	211.369.502
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	1.153.132.693	282.733.533
Bảo hiểm xã hội	33.709.930	17.250.949
Bảo hiểm y tế	2.203.816	502.842
Bảo hiểm thất nghiệp	14.709.363	6.054.473
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	351.603.300	268.686.500
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	21.171.276	77.193.415
	1.633.302.572	863.791.214

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Đặt cọc làm khuôn sản xuất	1.708.729.025	1.678.729.025
Các khoản phải trả khác	152.072.710	152.072.710
	1.860.801.735	1.830.801.735

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay ngắn hạn	123.914.662.708	123.914.662.708	354.155.047.211	314.516.938.075	84.276.553.572	84.276.553.572
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	-	-	-	1.263.116.160	1.263.116.160	1.263.116.160
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12	6.812.666.887	6.812.666.887	27.572.761.098	40.432.176.733	19.672.082.522	19.672.082.522
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2	-	-	-	2.044.810.590	2.044.810.590	2.044.810.590
Ngân hàng BPCEIOM Chi nhánh	15.890.270.417	15.890.270.417	57.402.443.055	51.537.877.101	10.025.704.463	10.025.704.463
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	-	-	34.731.847.004	37.995.108.488	3.263.261.484	3.263.261.484
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	95.117.870.660	95.117.870.660	184.494.924.798	135.139.988.951	45.762.934.813	45.762.934.813
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VIB CN TPHCM	6.093.854.744	6.093.854.744	32.063.994.288	25.970.139.544	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hồ Chí Minh	-	-	17.842.076.968	20.046.720.508	2.204.643.540	2.204.643.540
Vay cá nhân	-	-	47.000.000	87.000.000	40.000.000	40.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
2> Vay dài hạn đến hạn trả	13.824.966.260	13.824.966.260	15.884.963.508	10.978.135.280	8.918.138.032	8.918.138.032
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12</i>	5.523.480.000	5.523.480.000	5.757.480.000	5.991.480.000	5.757.480.000	5.757.480.000
<i>Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội</i>	3.669.486.260	3.669.486.260	3.951.483.508	3.442.655.280	3.160.658.032	3.160.658.032
<i>Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM</i>	4.632.000.000	4.632.000.000	6.176.000.000	1.544.000.000	-	-
3> Thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	18.608.938.076	18.608.938.076	20.238.118.201	13.927.107.581	12.297.927.456	12.297.927.456
<i>Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM</i>	6.260.537.026	6.260.537.026	7.017.152.685	6.465.987.539	5.709.371.880	5.709.371.880
<i>Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM</i>	480.529.647	480.529.647	480.529.647	555.000.000	555.000.000	555.000.000
<i>Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín</i>	4.036.772.400	4.036.772.400	4.174.759.800	295.012.226	157.024.826	157.024.826
<i>Công ty đầu Tư Tài Chính Nhà Nước TP.HCM</i>	-	-	-	697.188.700	697.188.700	697.188.700
<i>Công ty TNHH cho thuê Tài Chính Quốc Tế CHAILEASE</i>	7.070.054.203	7.070.054.203	7.804.631.269	5.152.874.316	4.418.297.250	4.418.297.250
<i>Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam</i>	761.044.800	761.044.800	761.044.800	761.044.800	761.044.800	761.044.800
	156.348.567.044	156.348.567.044	390.278.128.920	339.422.180.936	105.492.619.060	105.492.619.060

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đã quá hạn chưa thanh toán



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn.

Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12

Hợp đồng số 76/2016-HĐTDHM/NHCT944-TANPHU ngày 19/10/2016. Hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa là 20.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức là từ 19/10/2016 đến 30/09/2017. Biện pháp đảm bảo là Xe ô tô biển số 57P-5173 hợp đồng thế chấp tài sản số 11/HĐTC ngày 06/08/2012. Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

Khoản vay ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-533592-2016 ngày 4 tháng 1 năm 2016. Thỏa thuận về việc cấp hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa: (i) Mờ thu tín dụng nhập khẩu: tối đa 1.500.000 USD, (ii) Tài trợ nhập khẩu: tối đa 1.500.000 USD, (iii) Vay ngắn hạn để thanh toán trong nước: tối đa 500.000 USD. Mục đích vay là đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của bên vay, thời hạn cấp hạn mức tối đa không quá 5 tháng. Biện pháp đảm bảo là (i) Hàng tồn kho luân chuyển và/hoặc khoản phải thu với giá trị tối thiểu tương đương 110% tổng các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, (ii) Chuyển giao quyền thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho thế chấp cho Ngân hàng với giá trị tối thiểu tương đương 1.000.000USD. Lãi suất cho vay được áp dụng bằng chi phí vốn của ngân hàng + 2,2%, trong đó chi phí vốn sẽ được quyết định dựa trên lãi suất thị trường tại thời điểm rút vốn vay.

Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0120/KH/16NH kèm theo Hợp đồng tín dụng số 0120/KHDN1/16NH ngày 16/6/2016. Hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng. Biện pháp đảm bảo là 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai TUCSON, biển số 52A-324.83 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 0141/NHNT ký ngày 11 tháng 06 năm 2014 giữa Ngân hàng và khách hàng. Lãi suất cho vay áp dụng theo 01 thỏa thuận giữa bên cho vay và bên vay được thể hiện trên từng Giấy nhận nợ phụ hợp với quy định về lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam từng thời kỳ.

Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng số 0010/HĐTD2-VIB880/16 ngày 22/02/2016. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Loại tín dụng được cấp là (i) cho vay ngắn hạn 30.000.000.000 VND được VIB giải ngân với thời hạn tối đa 04 tháng, (ii) tín dụng chứng từ 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương được VIB phát hành tín dụng chứng từ cho các nhà cung cấp hàng hoá/dịch vụ cho Bên vay theo các hình thức L/C trả ngay/trả chậm tối đa 120 ngày. Mục đích cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa, nhập khẩu hạt nhựa các loại và các sản phẩm phụ trợ để sản xuất nhựa của bên vay. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho luân chuyển chốt số dư tối thiểu 30 tỷ đồng tại mọi thời điểm và khoản phải thu của Công ty với giá trị tối thiểu 30 tỷ đồng tại mọi thời điểm. Lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất thả nổi, được xác định từ thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất được quy định cụ thể tại từng Đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng số 236/2014/HĐHM/CMB-HCM ngày 30/01/2015. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với loại tín dụng được cấp là cho vay hoặc phát hành thư tín dụng(L/C). Mục đích cấp tín dụng để bổ sung vốn lưu động và Phát hành L/C nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa. Thời hạn vay của các khoản vay thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng. Biện pháp đảm bảo tiền vay là (i) Mỗi lần đề nghị phát hành L/C, công ty sẽ ký quỹ số tiền bằng tối thiểu 15% giá trị của L/C bằng tiền mặt hoặc đảm bảo bằng tiền gửi tại bên Ngân hàng, (ii) hàng tồn kho luân chuyển, (iii) Khoản phải thu luân chuyển của công ty và (iv) các biện pháp, tài sản đảm bảo khác theo thỏa thuận 2 bên. Lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

áp dụng được Bên ngân hàng thông báo cho công ty mỗi lần vay vốn được ghi nhận cụ thể trong các kế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan.

Các khoản vay cá nhân theo hợp đồng vay ngắn hạn giữa cá nhân với công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Thời hạn vay là trên 01 tháng kể từ ngày công ty thu tiền của cá nhân, đến kỳ đáo hạn hợp đồng cá nhân không rút tiền ra thì hợp đồng được gia hạn với thời hạn như trên. Lãi suất cho vay được tính theo mức lãi suất Vay ngắn hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Lãi vay được trả theo tháng và căn cứ vào thông báo thay đổi lãi suất theo thời điểm của công ty.

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn đến hạn trả và nợ thuê tài chính đến hạn trả được trình bày tại thuyết minh chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay dài hạn	27.848.547.998	27.848.547.998	11.990.789.325	22.187.203.579	38.044.962.252	38.044.962.252
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12	1.919.160.000	1.919.160.000		5.757.480.000	7.676.640.000	7.676.640.000
Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	8.256.344.057	8.256.344.057	2.052.929.062	4.068.723.579	10.272.138.574	10.272.138.574
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	6.933.043.941	6.933.043.941	7.154.860.263	6.948.000.000	6.726.183.678	6.726.183.678
Vay cá nhân	10.740.000.000	10.740.000.000	2.783.000.000	5.413.000.000	13.370.000.000	13.370.000.000
2> Nợ thuê tài chính	54.399.766.792	54.399.766.792	70.534.136.770	32.509.790.835	16.375.420.857	16.375.420.857
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	9.578.120.372	9.578.120.372	13.823.500.300	9.833.148.241	5.587.768.313	5.587.768.313
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	84.024.880	84.024.880	-	480.529.647	564.554.527	564.554.527
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế CHAILEASE	10.380.626.640	10.380.626.640	13.878.251.410	11.651.073.972	8.153.449.202	8.153.449.202
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.308.604.015	1.308.604.015	-	761.044.800	2.069.648.815	2.069.648.815
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	33.048.390.885	33.048.390.885	42.832.385.060	9.783.994.175	-	-
	82.248.314.790	82.248.314.790	82.524.926.095	54.696.994.414	54.420.383.109	54.420.383.109

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn đã quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thông tin chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng số 0024/ĐTDA/15CD ngày 7 tháng 7 năm 2015. Hạn mức tối đa cho vay là 14.477.000.000 VND nhưng không vượt quá 77% tổng mức đầu tư của dự án. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan để đầu tư dự án Đầu tư thiết bị máy móc thiết bị và khuôn mẫu để sản xuất bình PET 19 lít, chai PET 5 lít, nắp và quai chai 5 lít. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ. Trần lãi suất tiết kiệm được điều chỉnh 3 tháng/lần. Biên độ được điều chỉnh 12 tháng/lần dựa trên xếp hạng tín dụng nội bộ bên vay do bên cho vay đánh giá. Biên độ áp dụng từ ngày 1/7/2015 đến 30/6/2016 là 2,8%/năm. Biện pháp đảm bảo tiền vay được thực hiện như sau: Công ty thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng bảo đảm tiền vay. Số dư khoản vay tại 31/12/2016 là 11.565.043.941 đồng trong đó khoản phải trả trong vòng 12 tháng tới là 4.632.000.000 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Shinhan Bank Vietnam

Hợp đồng tín dụng số 130-000-256-280 ngày 16 tháng 1 năm 2015. Số tiền cho vay là 18.000.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí xây dựng, mua trang thiết bị, cơ sở hạ tầng cho dự án Xây dựng Nhà máy Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh. Lãi suất cho vay là chi phí vốn thị trường 6 tháng cộng 3%/năm và được điều chỉnh 6 tháng một lần. Thời hạn cho vay là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời hạn rút vốn là 15 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Toàn bộ số nợ vay phát sinh tại Hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo: (i) Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Bên vay, (ii) Nhà xưởng hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng trên thửa đất số 327, tờ bản đồ số 4 thuộc Cụm Công nghiệp Xuân Lâm, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 114100 cấp ngày 15/01/2013 bởi UBND tỉnh Bắc Ninh và (iii) Bảo lãnh cá nhân trị giá 18.000.000.000 VNĐ của ông Ngô Đức Trung dưới dạng Hợp đồng bảo lãnh. Số dư khoản vay tại 31/12/2016 là 11.925.830.317 đồng trong đó khoản vay phải trả trong 12 tháng tới là 3.669.486.260 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12

Hợp đồng tín dụng số 31/HĐTĐ ngày 20/04/2011. Số tiền cho vay là 37.000.000.000 đồng trong thời hạn 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn rút vốn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư xây dựng tại xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà tỉnh Long An. Lãi suất áp dụng cho vay là lãi suất thả nổi, lãi suất của khoản vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất hàng năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ tối thiểu 4,5%/năm nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và chi nhánh 12, ngày xác định lãi suất là ngày 01 định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời điểm giải ngân, ngày trả lãi là ngày 25 hàng tháng. Hình thức đảm bảo tiền vay bao gồm (i) Bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai – tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, (ii) Thẻ chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai – tài sản hình thành từ vốn vay của dự án và (iii) quyền sử dụng đất ở số T02330 ngày 16/6/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tọa lạc tại xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà tỉnh Long An, hợp đồng xây dựng nhà máy nhựa Tân Phú tại Long An số 01/HĐXD/2010 ngày 30/07/2010. Số dư khoản vay tại 31/12/2016 là 7.442.640.000 đồng trong đó khoản vay phải trả trong 12 tháng tới là 5.523.480.000 đồng.

Khoản vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo hợp đồng vay dài hạn giữa các cá nhân với công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Mục đích vay là để bổ sung vốn cố định hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày công ty thu tiền của các cá nhân, khi đến kỳ đáo hạn nếu các cá nhân không rút tiền ra thì hợp đồng được gia hạn với thời hạn như trên. Lãi suất cho vay được tính theo mức lãi suất vay trung hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN 12. Lãi suất được trả theo tháng và căn cứ vào thông báo thay đổi lãi suất theo thời điểm của công ty. Số dư khoản vay tại 31/12/2016 là 10.740.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Khoản thuê tài chính gồm có 10 hợp đồng với tổng giá trị thuê là 37.866.405.385 đồng, thời hạn thuê 48 - 60 tháng được quy định tại lịch thanh toán tiền thuê của mỗi hợp đồng với lãi suất thuê từ 7% - 8,7%/năm được quy định theo từng thời kỳ trên từng lịch thông báo tiền thuê. Từ ngày 01/07/2018: lãi suất cho thuê là lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 13 tháng của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín + phí thuê tài chính cố định là 2%/năm. Lãi suất cho thuê được điều chỉnh vào ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Số dư của các hợp đồng đến ngày 31/12/2016 là 37.085.163.285 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 4.036.772.400 đồng.

Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam

Theo các hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh, gồm có 02 hợp đồng với tổng giá trị thuê là 3.807.802.190 đồng, thời hạn thuê 48 tháng với lãi suất thuê là từ 8,42% - 8,49%/năm tại thời điểm 31/12/2016 cho các hợp đồng thuê. Phương thức trả tiền thuê: thanh toán trước mỗi tháng. Số dư của các hợp đồng tại thời điểm 31/12/2016 là 2.069.648.815 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 761.044.800 đồng.

Thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Theo các hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh và mục đích di chuyển theo đúng quy định trong Giấy phép kinh doanh và dự án/phương án thuê tài chính, gồm có 04 Hợp đồng với tổng giá trị thuê là 2.325.429.527 đồng, thời hạn thuê từ 48 - 60 tháng, thanh toán gốc và lãi hàng tháng. Lãi suất cho thuê được xác định theo phương pháp thả nổi, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng chi phí huy động vốn thực tế của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ cộng biên độ 3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay trung dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ. Lãi suất áp dụng cho các hợp đồng thuê tại thời điểm 31/12/2016 là 11,5%. Số dư của các hợp đồng đến ngày 31/12/2016 là 564.554.527 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 480.529.647 đồng.

Thuê tài chính của Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chaillease

Theo các hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm 20 hợp đồng với tổng giá trị thuê là 26.275.541.640 VNĐ, thời hạn thuê từ 42 - 48 tháng, lãi và gốc được trả hàng tháng. Lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2016 là từ 7,5% - 9,7%/năm cho các hợp đồng thuê. Số dư của các hợp đồng đến ngày 31/12/2016 là 17.450.680.843 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 7.070.054.203 đồng.

Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank - Chi nhánh TP HCM

Theo các Hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm 34 hợp đồng (bao gồm Hợp đồng của chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh), với tổng giá trị thuê là 33.080.019.139 đồng, thời hạn thuê từ 36 tháng - 48 tháng, thanh toán gốc và lãi hàng tháng. Lãi suất được áp dụng tại thời điểm 31/12/2016 là từ 8,5% - 9,8%/năm cho các hợp đồng thuê. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 15.838.657.398 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 6.260.537.026 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thanh toán nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Năm 2016			
Trả nợ gốc		24.345.624.367	
Trả lãi tiền thuê		3.678.818.234	
Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC		28.024.442.601	
Năm 2015			
Trả nợ gốc		14.928.983.440	
Trả lãi tiền thuê		3.797.128.084	
Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC		18.726.111.524	

5.20 Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn trình bày các khoản trích bảo hành sản phẩm tại Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh với thời gian bảo hành từ 02 – 03 năm tùy theo từng hợp đồng bán sản phẩm. Tỷ lệ trích bảo hành được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải trả dài hạn như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày đầu năm	902.078.412	310.208.019
Trích lập dự phòng bổ sung	305.223.105	591.870.393
Hoàn nhập dự phòng	(1.207.301.517)	
Tại ngày cuối kỳ	-	902.078.412

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.21 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước						
Tại ngày 01/01/2015	52.997.260.000	1.839.728.228	6.596.785.459	1.619.362.595	10.248.978.834	73.302.115.116
Trích các quỹ			556.409.715			556.409.715
Lãi trong năm					16.439.455.260	16.439.455.260
Tăng vốn trong năm	7.000.580.000	250.000.000				7.250.580.000
Phân phối lợi nhuận					(2.130.570.298)	(2.130.570.298)
Giảm khác		(50.000.000)				(50.000.000)
Trả cổ tức năm 2014					(5.999.784.000)	(5.999.784.000)
Tại ngày 31/12/2015	<u>59.997.840.000</u>	<u>2.039.728.228</u>	<u>7.153.195.174</u>	<u>1.619.362.595</u>	<u>18.558.079.796</u>	<u>89.368.205.793</u>
Năm nay						
Tại ngày 01/01/2016	59.997.840.000	2.039.728.228	7.153.195.174	1.619.362.595	18.558.079.796	89.368.205.793
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	19.613.372.699	19.613.372.699
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	5.997.670.000	-	-	-	(5.997.670.000)	-
Tăng do điều chỉnh sau khi quyết toán thuế 2015					832.340.685	832.340.685
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.203.976.380)	(2.203.976.380)
Trả cổ tức 2015	-	-	-	-	(4.799.827.200)	(4.799.827.200)
Tại ngày 31/12/2016	<u>65.995.510.000</u>	<u>2.039.728.228</u>	<u>7.153.195.174</u>	<u>1.619.362.595</u>	<u>26.002.319.600</u>	<u>102.810.115.597</u>

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	47.441.690.000	
Cổ đông khác	18.553.820.000	59.997.840.000
	65.995.510.000	59.997.840.000

5.21.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.599.551	5.999.784
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	6.595.151	5.995.384
- Cổ phiếu ưu đãi	4.400	4.400
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	6.595.151	5.995.384
- Cổ phiếu ưu đãi	4.400	4.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND		

5.21.4 Phân phối lợi nhuận

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty đã trích các quỹ như sau:

Trích quỹ khen thưởng	816.287.548 đồng
Trích quỹ phúc lợi	816.287.548 đồng
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	571.401.284 đồng

Ngoài ra, công ty đã chia cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu và 8% bằng tiền mặt.

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**5.22.1 Tài sản thuê ngoài**

- Hợp đồng thuê máy ép phun số 599/HĐ-NVN-TCKT ngày 18/06/2007 giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Tân Phú và phụ lục số 02 ngày 25/12/2014 về việc điều chỉnh hợp đồng cho thuê thiết bị khuôn mẫu số 599/HĐ-NVN-TCKT. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/08/2018. Giá thuê còn phải thanh toán là 1.861.460.200 đồng.
- Hợp đồng thuê máy móc, khuôn mẫu số 723/HĐ-NVN-TCKT ngày 24/07/2007 giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Tân Phú và phụ lục số 03 ngày 16/09/2012, phụ lục số 04 ngày 25/12/2014. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 14 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/08/2020. Giá thuê còn phải thanh toán là 1.039.855.288 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.22.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
Dollar Mỹ (USD)	146.988,64	470.064,59
Euro (EUR)		

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	500.021.921.515	578.583.694.366
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.025.606	136.006.641
	<u>500.068.947.121</u>	<u>578.719.701.007</u>

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Nhựa Tân Phú Miền Trung	1.929.324.160	2.812.142.319
Công ty CP Tân Phú - Sài Gòn	7.592.700.991	15.057.997.531

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	492.172.300	180.819.600
Giảm giá hàng bán	7.115.055	180.150.961
Hàng bán trả lại	1.320.473.620	1.932.355.865
	<u>1.819.760.975</u>	<u>2.293.326.426</u>

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	397.456.053.097	472.344.994.829
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	25.207.424	46.552.095
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(24.310.799)	(18.189.196)
	<u>397.456.949.722</u>	<u>472.373.357.728</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	630.319.565	279.440.876
Cổ tức, lợi nhuận được chia	201.250.000	488.750.000
Doanh thu từ chuyển nhượng vốn	663.080.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	368.653.368	291.562.504
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	98.158.241	6.434.899
	1.961.461.174	1.066.188.279

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.698.000.002	13.053.080.194
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	186.072.223	128.615.832
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	125.462.933	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	3.326.050.800	1.923.821.817
Chi phí tài chính khác	118.628	
	17.335.704.586	15.105.517.843

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.663.212.893	7.420.670.736
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	190.598.534	112.527.436
Chi phí khấu hao	667.109.898	434.651.930
Dự phòng bảo hành sản phẩm	(902.078.412)	591.870.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.487.744.436	9.859.179.819
Chi phí bằng tiền khác	5.286.769.985	5.718.825.585
	18.393.357.334	24.137.725.899

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	18.982.067.571	22.121.361.128
Chi phí đồ dùng văn phòng	940.076.216	1.178.431.995
Chi phí khấu hao	562.102.830	771.734.752
Thuế, phí và lệ phí	29.313.543	19.450.361
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.541.807.809	18.094.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.360.476.914	7.530.131.999
Chi phí bằng tiền khác	14.004.337.255	15.250.281.980
	45.420.182.138	46.889.486.425

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận từ thanh lý TSCĐ	27.272.727	276.915.352
Thu nhập do nguyên liệu thừa	148.609.377	348.010.741
Các khoản khác	443.506.155	418.074.648
	619.388.259	1.043.000.741

6.9 Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính	72.191.381	39.092.798
Các khoản khác	45.844.000	
	118.035.381	39.092.798

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.105.806.418	19.990.382.908
Giảm trừ các khoản cổ tức	(576.250.000)	(488.750.000)
Cộng các khoản chi phí không hợp lệ	3.145.740.611	737.513.416
<i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	2.845.472.229	
<i>Phạt vi phạm hành chính thuế</i>	118.035.381	39.092.798
<i>Thù lao HĐQT không chuyên trách</i>	182.233.001	698.420.618
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	63.148.835	(136.293.898)
Tổng thu nhập chịu thuế	24.738.445.864	20.102.852.426
Thuế TNDN tính theo thuế suất thông thường (a)	4.947.689.173	4.422.627.535
Thuế TNDN được ưu đãi giảm 50% do đầu tư mở rộng tại Long An (b)	2.455.255.454	871.699.887
Chi phí thuế TNDN hiện hành (a) - (b)	2.492.433.719	3.550.927.648

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	252.547.232.915	276.494.133.475
Chi phí nhân công	66.809.787.291	79.819.634.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.439.931.944	28.337.836.308
Thuế, phí, lệ phí	29.313.543	19.450.361
Chi phí dự phòng	4.639.729.397	609.964.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.418.277.404	45.808.862.119
Chi phí bằng tiền khác	20.751.496.330	21.614.354.302
	419.635.768.824	452.704.235.947

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	42.890.623.130	17.037.821.751
	42.890.623.130	17.037.821.751

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	366.145.836.536	370.271.419.251
	<u>366.145.836.536</u>	<u>370.271.419.251</u>

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	331.797.313.426	369.905.346.996
	<u>331.797.313.426</u>	<u>369.905.346.996</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và chứng khoán kinh doanh phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD)

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty có cho các công ty con vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp. [áp dụng trong từng trường hợp]

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	156.348.567.044	82.248.314.790	238.596.881.834
Trái phiếu thông thường			-
Phải trả người bán	15.649.148.874	-	15.649.148.874
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (không gồm KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	3.326.411.558	1.860.801.735	5.187.213.293
	175.324.127.476	84.109.116.525	259.433.244.001
Ngày 01 tháng 01 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	105.492.619.060	54.420.383.109	159.913.002.169
Trái phiếu thông thường			-
Phải trả người bán	23.561.734.755	-	23.561.734.755
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (không gồm KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	3.307.320.370	1.830.801.735	5.138.122.105
	132.361.674.185	56.251.184.844	188.612.859.029

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ nêu trên khi đến hạn.

iv. Giá trị hợp lý (Xem tại Phụ lục 01)**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.4.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (đ)
Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	Thù lao HĐQT & BKS	361.506.437
Ban điều hành	Lương và thưởng trong năm 2016	2.557.813.004

9.4.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số 5.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai		
- Cho vay	13.000.000.000	
- Thu lại nợ vay	5.000.000.000	
- Lãi tiền cho vay	376.555.556	
- Nhập mua nhựa nguyên liệu	2.015.061.320	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh nêu trên

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa thuộc lĩnh vực công nghiệp. Hoạt động kinh doanh gồm cả khu vực Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. Do vậy, Công ty lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận được trình bày chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm.

9.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM.

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Nhung
Người lập



Nguyễn Thị Thoại
Kế toán trưởng



Lê Viết Hùng
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục số 01: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính					-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.174.128.340		19.290.093.642		13.174.128.340	19.290.093.642
Đầu tư tài chính ngắn hạn	399.000.000	(231.800.000)	3.550.000.000	(200.000.000)	167.200.000	3.350.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.640.648.015	(5.096.516.744)	80.228.251.619	(164.708.935)	78.544.131.271	80.063.542.684
Phải thu về cho vay	8.610.000.000	(610.000.000)	260.000.000		8.000.000.000	260.000.000
Tổng cộng	105.823.776.355	(5.938.316.744)	103.328.345.261	(364.708.935)	99.885.459.611	102.963.636.326
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán và phải trả khác (không bao gồm BHXH, BHTN, BHYT)	17.939.497.379		25.949.785.907		17.939.497.379	25.949.785.907
Vay và nợ ngắn hạn	156.348.567.044		105.492.619.060		156.348.567.044	105.492.619.060
Chi phí phải trả	2.896.864.788		2.750.070.953		2.896.864.788	2.750.070.953
Vay và nợ dài hạn	82.248.314.790		54.420.383.109		82.248.314.790	54.420.383.109
Tổng cộng	259.433.244.001	-	188.612.859.029	-	259.433.244.001	188.612.859.029

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

"Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn."

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2016 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ và ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục số 02: Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Năm nay			Năm trước		
	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	365.223.500.391	133.025.685.755	498.249.186.146	395.527.330.768	180.899.043.813	576.426.374.581
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-			-
3. Khấu hao	22.242.152.260	9.197.779.684	31.439.931.944	19.575.128.164	8.366.564.888	27.941.693.052
4. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.743.154.444	12.049.081.980	100.792.236.424	84.800.654.271	19.252.362.582	104.053.016.853
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	74.388.184.723	10.751.175.584	85.139.360.307	14.029.609.232	9.239.234.586	23.268.843.818
6. Tài sản bộ phận	328.202.335.551	48.656.242.511	376.858.578.062	254.238.925.380	47.842.552.396	302.081.477.776
7. Tài sản không phân bổ						
Tổng tài sản			376.858.578.062	254.238.925.380	47.842.552.396	302.081.477.776
8. Nợ phải trả bộ phận	272.351.355.826	1.697.106.639	274.048.462.465	209.373.624.783	3.339.647.200	212.713.271.983
9. Nợ phải trả không phân bổ						
Tổng nợ phải trả			274.048.462.465	209.373.624.783	3.339.647.200	212.713.271.983